

Số: 146/BC – UBND

Phú Quốc, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO CÔNG KHAI**  
**ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,**  
**ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ 1 NĂM 2022**

**1. Tài chính Ngân sách:**

**a. Thu ngân sách Nhà nước:**

Dự toán thu NSNN năm 2021 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là 5.400 tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là 2.980 tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 1.676 tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là 1.304 tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý 2.420 tỷ đồng .

- Thực hiện thu NSNN ước quý 1/2022 là 1.679,828 tỷ đồng, đạt 31,11% dự toán thu trên địa bàn, tăng 28,09% so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước quý 1/2022 là 769,996 tỷ đồng, đạt 25,84% dự toán thành phố quản lý, tăng 18,36% so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý quý 1/2022 là 909,832 tỷ đồng, đạt 37,60% so dự toán, tăng 37,67% so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp thành phố quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 119,948 tỷ đồng, thì số thu được 650,048 tỷ đồng, đạt 21,81% so dự toán, đạt 99,92% so cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý 1/2022 là 119,948 tỷ đồng, đạt 7,16% so dự toán, đạt 35,69% so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng 15,58% trong tổng thu phân cấp thành phố quản lý; Thu tiền sử dụng đất ước quý 1/2022 là 13,429 tỷ đồng, thu tiền thuê đất tháng ước quý 1/2022 là 106,519 tỷ đồng (Trong đó: ghi thu ghi chi 55,537 tỷ đồng).

**b. Chi ngân sách Nhà nước:**

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao đầu năm 2022 là 2.323,519 tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 1.411,955 tỷ đồng ( Chi XD CB 811,955 tỷ đồng, ghi thu ghi chi 600 tỷ đồng); Chi thường xuyên 591,490 tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương 221,658 tỷ đồng; Chi dự phòng 10,151 tỷ đồng; Chi khen thưởng 1,500 tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã 86,765 tỷ đồng.

Chi ngân sách cấp thành phố ước quý 1/2022 là 243,053 tỷ đồng, đạt 10,46% so dự toán giao đầu năm, tăng 40,75% so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi thường xuyên cấp thành phố ước quý 1/2022 là 129,132 tỷ đồng, đạt 21,83% so dự toán giao đầu năm, tăng 14,84% so cùng kỳ.

- Chi trợ cấp ngân sách xã ước quý 1/2022 là 6,031 tỷ đồng, đạt 6,95% so với dự toán giao đầu năm, đạt 69,73% so cùng kỳ.

- Chi thực hiện CCTL ước quý 1/2022 là 37,489 tỷ đồng, đạt 16,91% so với dự toán giao đầu năm, tăng 16,99% so cùng kỳ.

**2. Đầu tư Công:**

Tổng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố là **1.411,955** tỷ đồng, Trong đó:

- Vốn XDCB được bố trí năm 2022 là **838,720** tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn do Kho bạc thành phố quản lý **838,720** tỷ đồng (Nguồn XDCB tập trung **20,974** tỷ đồng, nguồn sử dụng đất **585,600** tỷ đồng, nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu **163,500** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **41,881** tỷ đồng, nguồn vốn tinh phân bổ đối ứng nông thôn mới các xã **26,765** tỷ đồng).

- Ghi thu ghi chi **600** tỷ đồng (Nguồn cân đối NSDP tinh giao dự toán **200** tỷ đồng; Nguồn vốn ngân sách thành phố: **400** tỷ đồng)

Chi khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát ước tháng 3/2021: Khối lượng thực hiện **63,594** đồng, lũy kế **70,662** tỷ đồng; Giá trị cấp phát **63,334** tỷ đồng, lũy kế là **70,402** tỷ đồng, đạt **4,99%** so dự toán, tăng **336,81%** so cùng kỳ. Cụ thể:

- Nguồn vốn do Kho bạc thành phố quản lý:

+ Nguồn TW hỗ trợ mục tiêu: Khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát ước chi tháng 03/2022 là **8** tỷ đồng, lũy kế **8** tỷ đồng, đạt **4,89%** so dự toán.

+ Nguồn vốn CDNS địa phương: Khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát ước chi tháng 03/2022: Khối lượng thực hiện là **4,370** tỷ đồng, lũy kế **4,370** tỷ đồng, Giá trị cấp phát **4,110** tỷ đồng, lũy kế **4,110** tỷ đồng, đạt **1,9%** so dự toán.

+ Nguồn tiền sử dụng đất tinh giao (60%): Khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát ước chi tháng 03/2022 là **2,755** tỷ đồng, lũy kế **2,755** tỷ đồng, đạt **0,47%** so dự toán.

+ Nguồn vốn ngân sách thành phố (ghi thu ghi chi): Ước tháng 03/2022 là **48,469** tỷ đồng, lũy kế **55,537** tỷ đồng, đạt **13,88%** so dự toán.

**3. Công tác Quản lý giá; cấp giấy phép ĐKKD; tiếp nhận hồ sơ Tố tụng hình sự; Hồ sơ Đấu giá; thanh lý và mua sắm TSCĐ:**

**3.1. Quản lý giá:**

a/ Về lương thực, thực phẩm: Trong quý 1/2022 nhìn chung giá cả có tăng có giảm, như: giá thóc, gạo tẻ thường không tăng không giảm; gạo tẻ ngon (tám thơm hoặc tương đương) không tăng không giảm; gạo ngang dẻo: không tăng không giảm; gạo dẻo hơi: không tăng không giảm; Gạo sọc trắng: tăng 500đ/kg, tăng 3,03%; Gạo Long An: không tăng không giảm; Gạo Đài Loan: không tăng không giảm; giá thịt bò bắp: không tăng không giảm; Giá thịt lợn hơi (thịt heo hơi): tăng 4.000đ/kg, tăng 7,14%; giá thịt lợn nạc thăn: tăng 10.000đ/kg, tăng 12,50%; Mực ống (không trứng): không tăng không giảm; Tôm rảo, tôm nuôi nước ngọt: không tăng không giảm; Tôm biển: không tăng không giảm; Giò lụa: không tăng không giảm; Cá quả (cá lóc): giảm 5.000đ/kg, giảm 7,69%; Cá thu: không tăng không giảm; Cá bớp: không tăng không giảm; Tiêu chín: không tăng không giảm; Tiêu cội: không tăng không giảm; Bắp cải trắng: giảm 5.000đ/kg, giảm 25%; Cải xanh: tăng 3.000đ/kg, tăng 20%; Bí xanh: không tăng không giảm; Cà chua: giảm 15.000đ/kg, giảm 42,86%; Gà ta, gà công nghiệp: không tăng không giảm; Dầu thực vật (chai 01lít): không tăng

không giảm; Đường trắng: không tăng không giảm. Các mặt hàng thực phẩm khác vẫn ổn định giá.

**b/ Về vật tư nông nghiệp:** Trong quý 1/2022 nhìn chung giá vật tư nông nghiệp không tăng không giảm.

**c/ Đồ uống:** Trong quý 1/2022 nhìn chung giá lương thực, thực phẩm có tăng, giảm không đáng kể.

**d/ Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:** Trong quý 1/2022 nhìn chung giá có tăng, giảm không đáng kể, như: Gas đun (loại bình 12kg): giảm 35.000đ/kg; Các mặt hàng khác không tăng không giảm.

**đ/ Giao thông:** Trong quý 1/2022 tăng đáng kể, như: giá xăng Ron 95: tăng 1.970đồng/lít; Dầu Diezel 0,05s: tăng 3.170 đồng/lít.

**e/ Vàng, đôla Mỹ:** Trong quý 1/2022 nhìn chung giá cả có tăng đáng kể, như: Vàng 99,99% (loại nhẫn tròn 1 chỉ) giá mua vào tăng 110.000 đồng/chỉ, tăng 2,08%, bán ra tăng 110.000 đồng/chỉ, tăng 2,05%; Vàng 18k (kiểu nhẫn tròn): tăng 20.000đ/chỉ, tăng 0,63%; giá bán ra: tăng 20.000đ/kg, tăng 0,59%. Đôla Mỹ (loại tờ 100USD): mua vào tăng 190đ/USD, tăng 0,85%, bán ra tăng 190đ/USD, tăng 0,83%.

### **3.2. Cấp giấy phép ĐKKD:**

a/ Cấp mới quý 1/2022 là 256 hộ, đến nay trên địa bàn thành phố có 12.939 hộ kinh doanh đang hoạt động.

b/ Giải thể quý 1/2022 37 hộ; Cấp thay đổi quý 1/2022 là 112 hộ; Cấp lại quý 1/2021 là 09 hộ; Thu hồi quý 1/2022: không

c/ Cấp mới HTX năm 2022: 0 HTX, đến nay trên địa bàn thành phố có 18 Hợp tác xã đang hoạt động; Cấp đổi nội dung hợp tác xã quý 1/2022 là 01 HTX; Châm dứt nội dung hoạt động HTX: 0 HTX.

**3.3. Hồ sơ tổ tụng hình sự:** Quý 1/2022 06 hồ sơ.

**3.4. Hồ sơ Đấu giá, định giá và mua sắm TSCĐ:**

**3.4.1/ Đấu giá:** không.

**3.4.2/ Thanh lý, điều chuyển Tài sản:**

- Thanh lý tài sản: Quý 1/2022: 02 hồ sơ.

**3.4.3/ Phê duyệt chủ trương mua sắm tài sản; Phê duyệt, thẩm định dự toán Mua sắm TS; phê duyệt KH LCNT:**

- Chủ trương mua sắm tài sản: Quý 1/2022 01 hồ sơ (hồ sơ chủ trương mua sắm vật tư tiêu hao, thuốc sinh phẩm: đơn vị Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc).

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Quý 1/2022 là 02 hồ sơ.

- Phê duyệt thẩm định dự toán mua sắm: Quý 1/2022 là 02 hồ sơ.

**4. Thực hiện nhiệm vụ quý 1/2022:**

Tham mưu UBND thành phố các báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo UBND thành phố, Phòng đã tập trung phân bổ dự toán thu, giao dự toán chi cho các đơn vị dự toán thuộc thành phố quản lý và các xã, phường theo đúng quy định của Luật Ngân sách và Nghị quyết của HĐND thành phố.

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo UBND thành phố, Phòng đã tập trung phân bổ dự toán thu, giao dự toán chi cho các đơn vị dự toán thuộc thành phố quản lý và các xã, phường theo đúng quy định của Luật Ngân sách và Nghị quyết của HĐND thành phố.

Tiếp tục đôn đốc đơn vị thanh quyết toán kinh phí ngân sách cấp bổ sung trong năm 2021 chưa hoàn thành trong niên độ ngân sách năm 2021 tiếp tục thanh quyết toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán.

Thực hiện nhiệm vụ làm thông báo thẩm tra dự toán năm 2022 cho các đơn vị hành chính (đơn vị thực hiện NĐ 130); các đơn vị sự nghiệp (thực hiện NĐ 16 và NĐ 43); các xã, phường trên địa bàn thành phố.

Đảm bảo cân đối chi tiền lương và chế độ chính sách theo quy định cho các cơ quan ban ngành; các xã, phường kịp thời trước Tết.

Đảm bảo các khoản chi cho các đối tượng chính sách, các đối tượng xã hội trong dịp Tết Nguyên Đán.

Hoàn thành tốt cùng với đoàn kiểm tra giá cả trong dịp tết nguyên đán Canh Dần trên địa bàn thành phố Phú Quốc cùng với Đội Quản lý thị trường Số 4.

Hoàn thành công tác Quyết toán vốn XDCB năm 2021 với tỉnh (Phòng Đầu tư – Sở Tài chính Kiên Giang).

Thực hiện công tác thu hồi và chuyển nguồn các kinh phí ngân sách cấp bổ sung trong năm 2021 chưa hoàn thành trong niên độ ngân sách năm 2021 sang năm 2022 theo dõi và tiếp tục thực hiện theo quy định.

Chuẩn bị báo cáo kiểm tra theo Kế hoạch số 23/KH-STC ngày 11/3/2022 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang về việc Kiểm tra chuyên đề về lập, giao dự toán; quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, tình hình tạm ứng trước ngân sách tỉnh và một số chế độ chính sách khác từ năm 2020 đến năm 2021 trên địa bàn các huyện, thành phố.

Nộp trả kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu chi thường xuyên năm 2021 (nộp trả những kinh phí đã thực hiện xong nhiệm vụ chi trong năm nhưng còn tồn kinh phí nộp trả về tỉnh).

Thực hiện công tác kiểm tra tình hình sử dụng ngân sách nhà nước đối với các đơn vị hành chính; đơn vị sự nghiệp; đoàn thể; các xã, phường thị trấn theo Kế hoạch đề ra.

Thực hiện phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các Chủ đầu tư.

Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã trên địa bàn thành phố.

Thực hiện công tác thẩm định giá, đấu giá tài sản tịch thu, sở hữu nhà nước, tổ tụng hình sự.

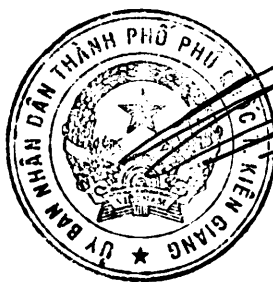
Tiếp tục rà soát, hướng dẫn, thẩm định đối với công tác quản lý giá theo phân quyền của tỉnh, cập nhật thường xuyên thông tin về giá dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn trên cổng thông tin điện tử Phú Quốc.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách, đầu tư công quý 1 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Thành ủy thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- LĐ UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- LĐ TCKH thành phố;
- LĐVP; đ/c Hưng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**



**Huyền Quang Hưng**

STT	NỘI DUNG		Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2022	Dự toán năm	Cùng kỳ trước	So sánh Thực hiện với (%)
	A	B					
			1	2		3=2/1	4=2/k
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN		5.400.000.000.000	1.679.828.373.155		31,11	128,09
I	Thu cần đổi NSNN		2.980.000.000.000	769.855.461.455		25,83	118,36
1	Thu nội địa		2.980.000.000.000	769.855.461.455		25,83	118,61
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			140.754.173			9,43
III	Thu cục thuế tỉnh quản lý		2.420.000.000.000	909.832.157.527		37,60	37,67
IV	Thu viện trợ						
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ		2.323.519.078.327	243.053.280.974		10,46	140,75
I	Tổng chi cần đổi ngân sách thành phố		2.236.754.078.327	237.022.603.639		10,60	143,14
1	Chi đầu tư phát triển		1.411.955.000.000	70.401.652.308		4,99	436,81
2	Chi thường xuyên		591.490.487.474	129.131.632.341		21,83	114,84
3	Chi khen thưởng		1.500.000.000			-	-
4	Dự phòng ngân sách		10.151.000.000			-	-
5	Chi từ nguồn CCTL		221.657.590.853	37.489.318.990		16,91	116,99
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên						
II	Chi trợ cấp ngân sách xã		86.765.000.000	6.030.677.335		6,95	69,73

Đơn vị: đồng

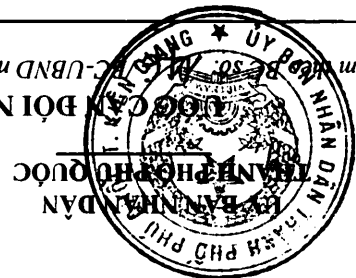
(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

**QUỐC CÁN ĐỔI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**

ngày 30/12/2016)

theo TT 343/2016/TT-BT

Biểu số 93/CK-NSNN



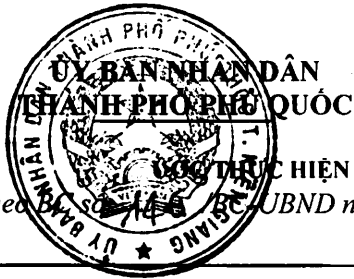


Biểu số 94/CK-NSNN  
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC  
ngày 30/12/2016)

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2022**  
(Kèm theo BC số 146/BC-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>5.400.000.000.000</b>	<b>1.679.828.373.155</b>	<b>31,11</b>	<b>128,09</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>		<b>140.754.173</b>		<b>9,43</b>
<b>II</b>	<b>Thu cục thuế tỉnh quản lý</b>	<b>2.420.000.000.000</b>	<b>909.832.157.527</b>		<b>391,85</b>
<b>III</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.980.000.000.000</b>	<b>769.855.461.455</b>	<b>25,83</b>	<b>118,61</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	38.000.000.000	5.818.119.480	15,31	40,09
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	12.000.000.000	1.550.353.779	12,92	57,27
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.000.000.000	2.656.879.766	18,98	97,42
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	600.000.000.000	466.760.865.236	77,79	333,07
5	Thuế thu nhập cá nhân	249.000.000.000	85.330.669.178	34,27	133,83
6	Thuế bảo vệ môi trường	200.000.000.000	27.869.239.700	13,93	84,82
7	Lệ phí trước bạ	105.000.000.000	39.850.417.414	37,95	136,20
8	Thu phí, lệ phí	22.000.000.000	10.074.456.151	45,79	104,87
9	Các khoản thu về nhà, đất	1.676.000.000.000	119.948.015.598	7,16	35,69
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
-	Thu tiền sử dụng đất	976.000.000.000	13.428.642.905		16,96
	Trong đó: ghi thu ghi chi				
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	700.000.000.000	106.519.372.693		41,47
	Trong đó: ghi thu ghi chi		55.536.652.308		
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	63.000.000.000	8.755.774.173	13,90	39,41
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu cố định tại xã		376.900.000		87,39
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển	1.000.000.000	166.396.980		415,99
15	Thu đóng góp		697.374.000		378,94
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1.123.542.000.000</b>	<b>422.658.244.250</b>		
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	471.870.000.000	346.984.021.944		
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	651.672.000.000	75.674.222.306		



Biểu số 95/CK-NSNN  
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC  
ngày 30/12/2016)

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**  
(Kèm theo Quyết định UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	3	4=3/1	6=3/ck
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>2.323.519.078.327</b>	<b>243.053.280.974</b>	<b>10,46</b>	<b>140,75</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>2.323.519.078.327</b>	<b>243.053.280.974</b>	<b>10,46</b>	<b>143,14</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.411.955.000.000</b>	<b>70.401.652.308</b>	<b>4,99</b>	<b>436,81</b>
1	Chi XD CB vốn tỉnh phân cấp	426.355.000.000	12.110.000.000	2,84	
2	Chi XD CB vốn thành phố	985.600.000.000	58.291.652.308	5,91	
3	Chi XD CB vốn thành phố (nguồn vốn được phép kéo dài năm 2020 sang năm 2021)				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>591.490.487.474</b>	<b>129.131.632.341</b>	<b>21,83</b>	<b>114,84</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	233.550.323.157	48.340.618.801	20,70	127,79
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi trợ cước, trợ giá	7.000.000.000	2.250.000.000	32,14	140,55
4	Chi y tế, dân số và gia đình	54.523.672.397	14.939.136.324	27,40	339,24
5	Chi văn hóa thông tin	8.199.745.447	822.918.255	10,04	112,28
6	Chi phát thanh, truyền hình	1.307.363.000		-	
7	Chi thể dục thể thao	559.782.500		-	
8	Chi bảo vệ môi trường	77.209.358.506	6.428.181.420	8,33	47,51
9	Chi hoạt động kinh tế	142.881.043.662	45.368.926.556	31,75	120,89
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	58.258.427.805	10.005.628.809	17,17	159,47
11	Chi bảo đảm xã hội	2.000.771.000	652.164.884	32,60	37,97
12	Chi khác	6.000.000.000	324.057.292	5,40	106,72
<b>III</b>	<b>Chi thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>221.657.590.853</b>	<b>37.489.318.990</b>	<b>16,91</b>	<b>116,99</b>
<b>IV</b>	<b>Chi khen thưởng</b>	<b>1.500.000.000</b>		-	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>10.151.000.000</b>		-	
<b>VI</b>	<b>Chi hỗ trợ ngân sách xã</b>	<b>86.765.000.000</b>	<b>6.030.677.335</b>	<b>6,95</b>	<b>69,73</b>
<b>B</b>	<b>CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				
<b>C</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>12.890.900.000</b>		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		12.110.000.000		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		780.900.000		